

Bản án số: 32/2018/DS-ST

Ngày: 17-7-2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Truệ
2. Bà Lâm Thị Kim Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2018/TLST-DS, ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2018/QĐST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1967.

Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An;

Nơi cư trú: Số 61, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Theo văn bản ủy quyền chứng thực số 48, quyền số 01/2017 – SCT/CK,CD ngày 05 tháng 12 năm 2017.

-Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp S, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp S, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

(Ông Q có mặt; ông T và bà B vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 12 năm 2017 và những trình bày của nguyên đơn có trong hồ sơ và tại phiên tòa như sau:

Ông N làm nghề buôn bán phân, thuốc bảo vệ thực vật. Ông T có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của ông N để làm ruộng và còn nợ lại số tiền 16.640.000 đồng. Biên nhận nợ do ông T ký nhận vào ngày 18 tháng 7 năm 2010, đến nay ông T chưa trả số tiền trên. Nay ông N khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền là 16.640.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại phiên tòa ông Q là người đại diện theo ủy quyền của ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định chỉ yêu cầu ông T trả số tiền trên.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt nhưng có lời trình bày tại biên bản hòa giải ngày 08 tháng 01 năm 2018 như sau: Ông thừa nhận có nợ tiền mua phân, thuốc của ông N là 16.640.000 đồng nhưng bà B đã trả hết số tiền này cho ông N nên ông và bà B không còn nợ ông N số tiền trên. Ông yêu cầu đưa bà B vào tham gia tố tụng với cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì đây nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, mặc dù ông và bà B đã ly hôn từ năm 2017.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc B vắng mặt nhưng có lời khai tại bản tự khai ngày 27 tháng 4 năm 2018 như sau: Bà và ông Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Long An, nay đã ly hôn. Ông T có làm ruộng chung với ba ruột của ông T, vì làm ruộng bị thua lỗ nên ông T không đưa tiền cho bà. Bà không biết việc ông T ký nhận nợ ngày 18 tháng 7 năm 2010. Bà và ông T có trả tiền nợ phân thuốc cho ông N nhưng vì thời gian đã lâu nên bà không nhớ trả vào năm nào và trả bao nhiêu tiền. Bà không đồng ý liên đới trả số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ông T thừa nhận có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của ông N và còn nợ số tiền 16.640.000 đồng nhưng đã trả hết số tiền trên, phía ông N cho rằng ông T chưa trả. Vì vậy, phát sinh tranh chấp giữa các bên. Nên ông N cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, có đơn khởi kiện đến Tòa án nơi bị đơn cư trú. Vì vậy, Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 205, 207, 209 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông T và bà B vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập phiên tòa

nhưng ông T và bà B vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà B là phù hợp theo các Điều 177, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Ông N khởi kiện yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả số tiền 16.640.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Ông T cho rằng đã trả hết số tiền trên, bà B không đồng ý liên đới vì bà hoàn toàn không biết nợ trên và hiện nay đã ly hôn.

[2] Xét thấy các bên thừa nhận có việc có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật là đã xác lập quan hệ pháp luật về hợp đồng mua bán theo quy định tại Điều 428, 429, 431, 432 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Chứng cứ để ông N khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền 16.640.000 đồng là biên nhận nợ ngày 18 tháng 7 năm 2010 do ông T ký nhận. Ông T và bà B khai đã trả số nợ trên cho ông N nhưng không có chứng cứ chứng minh việc đã trả số tiền trên, ông T không thừa nhận chữ ký tại biên nhận nợ ngày 18 tháng 7 năm 2010, ông yêu cầu giám định chữ ký, Tòa án đã tổng đạt yêu cầu nộp chi phí tố tụng trong thời hạn 15 ngày nhưng ông T không nộp, do vậy Tòa án không tiến hành giám định chữ ký theo yêu cầu của ông T.

[3] Ông T thừa nhận có nợ số tiền 16.640.000 đồng. Ông T cho rằng đã trả nhưng không có chứng cứ chứng minh là đã trả nợ, mặc khác ông N không thừa nhận ông T đã trả. Nên cần buộc ông T trả số tiền trên là phù hợp. Đây là hợp đồng mua bán thỏa thuận miệng, không thể hiện quy định về lãi khi chậm trả, căn cứ vào biên nhận nợ thì thể hiện tiền lãi là 5.390.000 đồng. Do vậy, trừ số tiền lãi vào số tiền yêu cầu khởi kiện. Cụ thể số tiền chấp nhận buộc ông thành phải trả là 11.250.000 đồng (16.640.000 đồng – 5.390.000 đồng = 11.250.000 đồng). Nên số tiền ông N bị bác yêu cầu là 5.390.000 đồng.

[4] Ông T cho rằng đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, yêu cầu đưa bà Biết vào tham gia tố tụng nhưng tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 14/2017/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An, ông T trình bày cam kết không có nợ chung. Bên cạnh đó bà B không thừa nhận đây là nợ chung, ông N không yêu cầu bà B liên đới trả số tiền trên. Do vậy, không có căn cứ buộc bà B có nghĩa vụ liên đới trả nợ theo lời yêu cầu của ông T.

[5] Từ nhận định trên; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N. Buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền 11.250.000 đồng.

[6] Về án phí: Ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Ông N phải chịu án phí đối với yêu cầu bị bác, khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền là 11.250.000 đồng (mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Văn T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn N yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả số tiền 5.390.000 đồng (năm triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

3. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu 562.500 đồng (năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Nguyễn Văn N phải chịu 269.500 đồng (hai trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn N đã nộp là 416.000 đồng (bốn trăm mười sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006638 ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Trả lại cho ông Nguyễn Văn N 146.500 đồng (một trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hay niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tại Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Tuyền

